

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH Y

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2020/HNGĐ-ST
Ngày 11-6-2020
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L- TỈNH Y

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Duy Đô

Các Hội thẩm nhân dân:

- 1- Bà Triệu Thị Thủy Hoàn;
- 2- Bà Đoàn Thị Mến.

Thư ký phiên tòa Ông Nguyễn Ngọc Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện L- tỉnh Y.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y tham gia phiên tòa Bà Diễm Thị Thanh Tuyền- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L- tỉnh Y, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 66/2020/HNGĐ-ST ngày 11 tháng 3 năm 2020 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2020/QĐXX-ST ngày 21 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Mông Văn Đ 32 tuổi

Địa chỉ: Thôn C- xã L- huyện L- tỉnh Y, có mặt.

Bị đơn: Chị La Thị T 26 tuổi

Địa chỉ: Thôn C- xã L- huyện L- tỉnh Y, đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 11-3-2020 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là anh Mông Văn Đ trình bày: Anh và chị La Thị T kết hôn tháng 10 năm 2012 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn lại tại UBND xã L- huyện L- tỉnh Y. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau khi sinh con được 11 tháng tuổi thì chị T bế con về bên ngoại rồi tự ý đi làm ăn mặc dù anh không muốn cho đi. Vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm; chị T không quan tâm đến gia đình, từ khi bỏ đi rất ít khi gửi tiền về nuôi con, kể cả khi bố anh mất chị T cũng không về... Gia đình khuyên nhủ nhưng chị T không

thay đổi, vợ chồng sống ly thân sáu năm nay. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị giải quyết cho ly hôn. Về con chung: anh và chị T có một cháu là Mông La Quỳnh D sinh ngày 19-8-2014 hiện đang ở với bố, khi ly hôn anh sẽ nuôi cháu, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con. Thời gian chung sống vợ chồng không có tài sản chung và cũng không nợ của ai.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện L- tỉnh Y đã ra văn bản thông báo và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị La Thị T vẫn không có mặt nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục pháp luật quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa anh Mông Văn Đ và chị La Thị T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L. Mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng chị T vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về tình cảm: Anh Mông Văn Đ và chị La Thị T kết hôn năm 2012, việc kết hôn này tuân thủ đúng những quy định của luật Hôn nhân và gia đình do đó đây là hôn nhân hợp pháp.

Tại điều 19 luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”*. Kết quả xác minh tại địa phương cơ bản phù hợp lời khai của nguyên đơn cho thấy do nhiều nguyên nhân nên trong những năm qua vợ chồng anh Đ- chị T không hạnh phúc, trong đó nguyên nhân chính là do quan điểm, tính cách, lối sống không hợp nhau dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi nhau. Quá trình giải quyết anh Đ khẳng định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết đề nghị giải quyết cho ly hôn. Hai người cũng đã có thời gian dài sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Qua đó cho thấy tình cảm vợ chồng giữa anh Đ- chị T đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Đ có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh Đ và chị T có một cháu tên là Mông La Quỳnh D sinh ngày 19-8-2014, hiện cháu đang ở với bố. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Đ đề nghị được nuôi cháu, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con. Xét hoàn cảnh thực tế trong suốt thời gian vợ chồng sống ly thân, cháu D thường xuyên ở với bố. Để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống sinh hoạt, học tập, cần giao cháu cho anh Đ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với hoàn cảnh thực tế. Do anh Đ không yêu cầu nên chị T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom con chung.

[4] Về tài sản chung: Nguyên đơn xác định không có.

[5] Về án phí Anh Đ phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 56; các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử anh Mông Văn Đ được ly hôn với chị La Thị T; giao cháu Mông La Quỳnh D cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng...

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1- Về tình cảm: Căn cứ khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, anh Mông Văn Đ được ly hôn với chị La Thị T.

2- Về con chung: Căn cứ các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu Mông La Quỳnh D sinh ngày 19-8-2014 cho anh Mông Văn Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị La Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị T thực hiện quyền này.

3- Về án phí Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; anh Mông Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận anh Đ đã nộp đủ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L- tỉnh Y theo biên lai số AA/2017/0004785 ngày 11-3-2020.

4- Quyền kháng cáo: Anh Mông Văn Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị La Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu HS-TA-THS.

Phan Duy Đô